| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 4 - CÀ MAU** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 261/2026/QĐST-HNGĐ | *Cà Mau, ngày 16 tháng 9 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 257/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2026 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 2003; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 2005; Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Về hôn nhân: Ông N, bà Đ chung sống với nhau vào năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau), hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhưng không thành. Ông bà không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét mâu thuẫn của ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà.

[2] Về con chung: Ông N, bà Đ xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 08/3/2022. Sau khi ly hôn Ông N, bà Đ thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 08/3/2022 cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ông N không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông N, bà Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về nợ chung: Ông N, bà Đ xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông N, bà Đ thống nhất mỗi người phải chịu theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông N, bà Đ mỗi người phải chịu 150.000đ, đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 9 năm 2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim Đ xác định xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 08/3/2022. Sau khi ly hôn ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim Đ thỏa thuận giao cháu Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 08/3/2022 cho bà Nguyễn Thị Kim Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim Đ xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim Đ xác định không có.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng N và bà Nguyễn Thị Kim Đ mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông N, bà Đ mỗi người đã nộp tạm ứng lệ phí 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tại các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002346, số 0002347 cùng ngày 08 tháng 9 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36, 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Uỷ ban nhân dân xã T, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Trần Tuấn Kiệt**